



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thông tin về Tổng công ty

Quyết định cổ phần hóa Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 01 tháng 3 năm 2004.

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp** Số 0101463614 ngày 16 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 8 năm 2016.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
	Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
	Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
	Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Số liệu so sánh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh 32 của báo cáo tài chính riêng đề cập tới việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại.

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 32 của báo cáo tài chính riêng, được căn cứ trên báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính đó đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác. Công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng đó trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2016. Những điều chỉnh đối với số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh 32 của báo cáo tài chính riêng được thực hiện theo báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-02-125-R



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2017

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		676.641.259.128	644.727.397.910
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	45.712.417.389	47.375.554.704
Tiền	111		45.662.622.389	47.325.759.704
Các khoản tương đương tiền	112		49.795.000	49.795.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		194.647.446.673	168.270.626.933
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	162.867.886.328	134.807.779.966
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		26.152.633.018	26.320.291.349
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	24.438.803.352	25.133.591.974
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(18.851.810.732)	(18.100.924.868)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		39.934.707	109.888.512
Hàng tồn kho	140	8	430.815.821.850	425.589.505.057
Hàng tồn kho	141		430.815.821.850	425.589.505.057
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.465.573.216	3.491.711.216
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.573.137.122	3.491.711.216
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.780.611.116	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		111.824.978	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		861.614.424.266	746.946.955.492
Tài sản cố định	220		179.456.443.692	110.098.749.109
Tài sản cố định hữu hình	221	9	178.206.551.818	109.966.193.728
<i>Nguyên giá</i>	222		405.091.304.226	278.319.205.019
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(226.884.752.408)	(168.353.011.291)
Tài sản cố định vô hình	227		1.249.891.874	132.555.381
<i>Nguyên giá</i>	228		5.349.935.312	3.814.284.398
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.100.043.438)	(3.681.729.017)
Tài sản dở dang dài hạn	240		43.618.500.559	115.543.233.247
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	43.618.500.559	115.543.233.247
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	576.000.000.000	461.047.511.083
Đầu tư vào công ty con	251		510.000.000.000	400.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	70.557.956.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(9.510.444.917)
Tài sản dài hạn khác	260		62.539.480.015	60.257.462.053
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	62.539.480.015	60.257.462.053
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.538.255.683.394	1.391.674.353.402

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		212.873.980.551	299.378.552.510
Nợ ngắn hạn	310		212.873.980.551	299.378.552.510
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	55.519.257.345	92.609.020.500
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.064.749.430	4.640.795.813
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	11.491.833.541	16.045.570.429
Phải trả người lao động	314		18.248.804.028	20.852.194.853
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	6.680.823.345	9.293.603.151
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	15.463.676.172	7.826.736.076
Vay ngắn hạn	320	17	106.678.203.043	152.249.552.808
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	(3.273.366.353)	(4.138.921.120)
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.325.381.702.843	1.092.295.800.892
Vốn chủ sở hữu	410	19	1.325.381.702.843	1.092.295.800.892
Vốn cổ phần	411	20	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	20	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	298.985.382.014	198.388.796.611
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	193.929.806.138	61.440.489.590
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(13.363.585.478)	(46.504.365.599)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		207.293.391.616	107.944.855.189
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.538.255.683.394	1.391.674.353.402

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng	01	23	1.631.374.120.198	1.885.654.280.895
Giá vốn hàng bán	11	24	1.152.882.953.820	1.384.094.353.006
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		478.491.166.378	501.559.927.889
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	22.960.515.286	182.412.589.968
Chi phí tài chính	22	26	(3.230.547.237)	16.085.661.715
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.665.046.908</i>	<i>3.074.653.184</i>
Chi phí bán hàng	25	27	201.284.271.372	223.477.517.369
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	48.265.218.401	47.784.892.696
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		255.132.739.128	396.624.446.077
Thu nhập khác	31		3.557.636.198	12.242.798.110
Chi phí khác	32		3.303.515.529	7.739.413.372
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		254.120.669	4.503.384.738
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		255.386.859.797	401.127.830.815
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	48.093.468.181	50.790.286.494
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		207.293.391.616	350.337.544.321

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND Đã trình bày lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	255.386.859.797	401.127.830.815
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	65.460.620.377	30.609.955.187
Các khoản dự phòng	03	(8.759.559.053)	(2.560.774.155)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.944.832	1.125.975.999
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.616.268.860)	(177.178.277.498)
Chi phí lãi vay	06	1.665.046.908	3.074.653.184
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	294.141.644.001	256.199.363.532
Biến động các khoản phải thu	09	(29.489.117.698)	96.753.355.861
Biến động hàng tồn kho	10	(5.226.316.793)	116.899.046.300
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(35.829.360.312)	(25.107.096.118)
Biến động chi phí trả trước	12	(2.581.902.210)	11.078.789.169
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.665.046.908)	(3.074.653.184)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(51.939.025.779)	(52.487.605.364)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	34.554.888.027	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.896.822.926)	(7.003.862.201)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	194.068.939.402	393.257.337.995
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(61.675.123.930)	(68.805.831.364)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.270.333.180	577.399.130
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(110.000.000.000)	(100.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	4.513.704.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	17.859.163.680	244.051.516.037
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(148.031.923.070)	75.823.083.803

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2016 VND	2015 VND Đã trình bày lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	632.745.941.974	919.268.634.041
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(678.322.236.571)	(929.112.912.215)
Tiền trả cổ tức	36	(2.123.859.050)	(450.399.294.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(47.700.153.647)	(460.243.572.724)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(1.663.137.315)	8.836.849.074
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	47.375.554.704	38.477.315.351
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	61.390.279
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	45.712.417.389	47.375.554.704

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởngNguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết (01/01/2016: 2 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 11.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Văn phòng Tổng công ty, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn và Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty có 350 nhân viên (01/01/2016: 345 nhân viên).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không được dùng để chia cổ tức.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 - 20 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 - 8 năm
▪ phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 - 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đầu tư sản văn phòng

Chi phí đầu tư sản văn phòng là chi phí trả trước cho việc mua văn phòng tại tầng 18 tòa nhà Mipeco, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ 43 đến 46 năm.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	885.686.871	1.033.493.595
Tiền gửi ngân hàng	44.776.935.518	42.768.828.043
Tiền đang chuyển	-	3.523.438.066
Các khoản tương đương tiền	49.795.000	49.795.000
	<hr/>	<hr/>
	45.712.417.389	47.375.554.704
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	72.421.782.729	45.125.390.675
Các bên thứ ba		
▪ Total Lubrificants Hong Kong Limited	7.525.318.446	12.005.493.906
▪ Các khách hàng khác	82.920.785.153	77.676.895.385
	162.867.886.328	134.807.779.966

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu từ các công ty liên quan		
Hỗ trợ đầu tư cho Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (*)	12.500.000.000	12.500.000.000
Phải thu khác từ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	2.653.451.554	1.739.819.604
Phải thu khác từ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	1.254.564.081	2.625.553.036
Phải thu khác từ các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	783.017.166	1.710.360.200
	17.191.032.801	18.575.732.840
Phải thu từ các bên khác		
Tạm ứng cho nhân viên phục vụ công tác	1.019.401.875	2.562.262.624
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	2.662.958.910	1.758.110.956
Phải thu về cổ tức	1.054.536.042	523.512.042
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.510.873.724	1.713.973.512
	24.438.803.352	25.133.591.974

(*) Theo hợp đồng ngày 16 tháng 12 năm 2013, khoản hỗ trợ đầu tư được dùng để tài trợ dự án Nhà máy Nhựa đường Cửa Lò của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex. Khoản hỗ trợ đầu tư này có thời gian ân hạn là 18 tháng kể từ ngày giải ngân và có thời hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày cuối của thời gian ân hạn. Khoản hỗ trợ đầu tư này được tính lãi theo lãi suất khoản vay kỳ hạn 3 tháng mà Tổng công ty vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Các khoản phải thu phi thương mại khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/12/2016			Số ngày quá hạn	01/01/2016		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND Đã điều chỉnh lại	Giá trị có thể thu hồi VND Đã điều chỉnh lại
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-
Công ty TNHH TM&VT Hoàng Phát	Trên 3 năm	2.226.286.342	(2.226.286.342)	-	Trên 3 năm	2.276.286.342	(2.260.703.779)	15.582.563
Các công ty khác	Trên 3 năm	4.185.599.516	(4.185.599.516)	-	Trên 3 năm	4.480.472.334	(4.480.472.334)	-
Các công ty khác	2 - 3 năm	283.947.956	(198.763.569)	85.184.387	2 - 3 năm	2.225.481.740	(836.817.322)	1.388.664.418
Các công ty khác	1 - 2 năm	3.081.328.372	(1.540.664.186)	1.540.664.186	1 - 2 năm	345.597.920	(172.798.960)	172.798.960
Các công ty khác	6 tháng - 1 năm	2.345.931.440	(703.779.432)	1.642.152.008	6 tháng - 1 năm	1.178.049.287	(353.414.786)	824.634.501
Các công ty khác	Dưới 6 tháng	34.784.078.270	-	34.784.078.270	Dưới 6 tháng	29.234.442.777	-	29.234.442.777
		<u>56.903.889.583</u>	<u>(18.851.810.732)</u>	<u>38.052.078.851</u>		<u>49.737.048.087</u>	<u>(18.100.924.868)</u>	<u>31.636.123.219</u>
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn			<u>(18.851.810.732)</u>				<u>(18.100.924.868)</u>	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	16.654.396.811	-	53.409.258.033	-
Nguyên vật liệu	280.919.947.180	-	215.449.863.301	-
Công cụ và dụng cụ	7.434.364.900	-	7.114.181.744	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.915.504.901	-	22.440.744.956	-
Thành phẩm, hàng hóa	101.891.608.058	-	127.175.457.023	-
	<hr/>		<hr/>	
	430.815.821.850	-	425.589.505.057	-
	<hr/>		<hr/>	

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	94.422.045.406	135.924.365.314	37.254.765.634	10.718.028.665	278.319.205.019
Tăng do mua sắm mới	421.399.000	17.624.050.000	1.017.163.636	538.515.455	19.601.128.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	71.790.598.832	37.591.294.671	3.081.184.110	-	112.463.077.613
Thanh lý	-	(1.586.500.201)	(3.705.606.296)	-	(5.292.106.497)
Số dư cuối năm	166.634.043.238	189.553.209.784	37.647.507.084	11.256.544.120	405.091.304.226
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	63.645.329.447	70.521.331.116	24.673.606.301	9.512.744.427	168.353.011.291
Khấu hao trong năm	19.683.771.509	39.516.344.833	3.772.705.074	851.026.198	63.823.847.614
Thanh lý	-	(1.586.500.201)	(3.705.606.296)	-	(5.292.106.497)
Số dư cuối năm	83.329.100.956	108.451.175.748	24.740.705.079	10.363.770.625	226.884.752.408
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	30.776.715.959	65.403.034.198	12.581.159.333	1.205.284.238	109.966.193.728
Số dư cuối năm	83.304.942.282	81.102.034.036	12.906.802.005	892.773.495	178.206.551.818

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 124.966 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2016: 77.838 triệu VND).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2016 VND	2015 VND
Số dư đầu năm	115.543.233.247	78.104.726.078
Tăng trong năm	40.538.344.925	40.157.687.328
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(112.463.077.613)	(2.719.180.159)
Số dư cuối năm	43.618.500.559	115.543.233.247

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Mở rộng Nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	13.121.874.398	63.686.924.701
Xây dựng Nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	11.292.216.363	832.736.634
Mở rộng Nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	8.310.850.082	35.877.155.092
Dự án xây dựng Kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.263.873.231	7.263.873.231
Dự án xây dựng nhà Văn phòng Chi nhánh Đà Nẵng	3.234.686.485	3.234.686.485
Dự án cải tạo nội thất Văn phòng Tổng công ty	-	692.103.030
Các công trình khác	395.000.000	3.955.754.074
	43.618.500.559	115.543.233.247

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	31/12/2016			01/01/2016				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:									
<i>Công ty con</i>									
▪ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Thuyết minh 32)	Hà Nội		100%	330.000.000.000	-		100%	250.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (Thuyết minh 32)	Hà Nội		100%	180.000.000.000	-		100%	150.000.000.000	-
				510.000.000.000	-			400.000.000.000	-
<i>Công ty liên kết</i>									
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810 (*)	Hà Nội	-	-	-	-	455.796	23,9%	4.557.956.000	(1.693.425.308)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	6.600.000	43,78%	66.000.000.000	-	6.600.000	43,78%	66.000.000.000	(7.817.019.609)
				66.000.000.000	-			70.557.956.000	(9.510.444.917)
				576.000.000.000	-			470.557.956.000	(9.510.444.917)

(*) Trong năm, Tổng công ty đã thanh lý toàn bộ số lượng cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810 thông qua phương thức chào bán cạnh tranh cho dưới 100 nhà đầu tư.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đầu tư sàn văn phòng VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh lại)	34.977.505.508	18.048.114.909	3.225.212.049	3.744.238.677	262.390.910	60.257.462.053
<i>Số dư đầu năm</i>						
<i>- Theo báo cáo trước đây</i>	<i>34.977.505.508</i>	<i>18.048.114.909</i>	<i>2.978.856.049</i>	<i>3.744.238.677</i>	<i>262.390.910</i>	<i>60.011.106.053</i>
<i>- Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 32)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>246.356.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>246.356.000</i>
Tăng trong năm	-	-	2.758.137.995	10.029.745.035	1.688.747.182	14.476.630.212
Phân bổ trong năm	(654.454.751)	(564.003.591)	(2.327.161.540)	(7.246.033.276)	(1.402.959.092)	(12.194.612.250)
Số dư cuối năm	34.323.050.757	17.484.111.318	3.656.188.504	6.527.950.436	548.179.000	62.539.480.015

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là công ty liên quan:

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các công ty liên quan		
▪ Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	744.900.772	1.495.108.440
▪ Castrol BP PETCO Co., Ltd.	3.867.100.611	2.907.979.607
	<hr/>	<hr/>
	4.612.001.383	4.403.088.047
Các bên thứ ba		
▪ Elf Lubrifiant Paris	14.717.936.150	4.240.540.290
▪ Exxon Mobil Asia Ltd	6.641.827.500	-
▪ Các nhà cung cấp khác	29.547.492.312	83.965.392.163
	<hr/>	<hr/>
	55.519.257.345	92.609.020.500
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016 VND Đã điều chỉnh lại	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	Phân loại sang phải thu VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.658.572.312	285.663.192.137	(117.257.256.956)	(169.671.252.114)	-	393.255.379
Thuế nhập khẩu	-	29.152.151.388	(29.263.976.366)	-	111.824.978	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.626.833.233	48.093.468.181	(51.939.025.779)	-	-	7.781.275.635
Thuế bảo vệ môi trường	2.617.932.240	29.583.539.748	(29.119.872.060)	-	-	3.081.599.928
Thuế thu nhập cá nhân	142.232.644	7.532.806.330	(7.439.336.375)	-	-	235.702.599
Thuế khác	-	1.533.251.613	(1.533.251.613)	-	-	-
	16.045.570.429	401.558.409.397	(236.552.719.149)	(169.671.252.114)	111.824.978	11.491.833.541



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn lon hộp	4.331.419.668	6.586.784.613
Chi phí phải trả về sửa chữa lớn tài sản cố định	1.775.034.667	1.927.632.698
Chi phí khuyến mại dầu mỡ nhờn phuy thùng	-	717.805.840
Trích trước chi phí vận chuyển	505.898.643	-
Trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng dầu mỡ nhờn	68.470.367	61.380.000
	<hr/> 6.680.823.345	<hr/> 9.293.603.151 <hr/>

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND Đã điều chỉnh lại
Phải trả cổ tức	1.259.645.600	3.383.504.650
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.432.883.481	1.382.366.757
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	4.771.147.091	3.060.864.669
	<hr/> 15.463.676.172	<hr/> 7.826.736.076 <hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay ngắn hạn

	01/01/2016		Biến động trong năm			31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	152.249.552.808	152.249.552.808	632.745.941.974	(678.322.236.571)	4.944.832	106.678.203.043	106.678.203.043

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	1,3%	64.225.527.618	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	USD	1,1%	42.452.675.425	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,2%	-	74.155.580.516
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	4,2%	-	10.811.233.664
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,5%	-	46.964.152.861
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,1%	-	20.318.585.767
			106.678.203.043	152.249.552.808

(*) Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng đến 5 tháng.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	(4.138.921.120)	(5.286.685.534)
Trích lập trong năm	8.762.377.693	8.151.626.615
Sử dụng trong năm	(7.896.822.926)	(7.003.862.201)
Số dư cuối năm	<u>(3.273.366.353)</u>	<u>(4.138.921.120)</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2015	702.608.370.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	263.227.300.571	20.463.604.691	23.266.646.256	1.013.580.441.518
Cổ phiếu thưởng	105.380.020.000	-	-	-	(105.380.020.000)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm (đã điều chỉnh lại)	-	-	-	-	-	-	350.337.544.321	350.337.544.321
Lợi nhuận thuần trong năm - như đã báo cáo trước đây	-	-	-	-	-	-	347.059.376.935	347.059.376.935
Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	-	-	3.278.167.386	3.278.167.386
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	40.541.516.040	-	(40.541.516.040)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.151.626.615)	(8.151.626.615)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(263.470.567.200)	(263.470.567.200)
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	8.868	8.868
Số dư ngày 01/01/2016 (đã điều chỉnh lại)	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	198.388.796.611	20.463.604.691	61.440.489.590	1.092.295.800.892
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	207.293.391.616	207.293.391.616
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	69.210.589.531	-	(69.210.589.531)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.762.377.693)	(8.762.377.693)
Nhận điều chuyển quỹ từ các công ty con	-	-	-	-	34.554.897.293	-	-	34.554.897.293
Biến động khác	-	-	-	-	(3.168.901.421)	-	3.168.892.156	(9.265)
Số dư ngày 31/12/2016	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	298.985.382.014	20.463.604.691	193.929.806.138	1.325.381.702.843



Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000	80.798.839	807.988.390.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000	1.273	12.730.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000	80.797.566	807.975.660.000

Vốn cổ phần của Tổng công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

Cổ đông	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	638.892.590.000	79,07%	638.892.590.000	79,07%
Các cổ đông khác	169.095.800.000	20,93%	169.095.800.000	20,93%
	807.988.390.000	100%	807.988.390.000	100%

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2016		01/01/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	69.690	1.569.092.052	172.262	3.882.777.697
Euro (“EUR”)	182	5.186.198	193	5.014.880
		<u>1.574.278.250</u>		<u>3.887.792.577</u>

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Đã được duyệt	96.796.000.000	246.943.000.000

23. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty bao gồm:

	2016 VND	2015 VND
Bán dầu mỡ nhờn	1.609.412.731.030	1.876.972.769.312
Bán hàng hóa khác	21.961.389.168	8.681.511.583
	<u>1.631.374.120.198</u>	<u>1.885.654.280.895</u>

24. Giá vốn hàng bán

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Giá vốn dầu mỡ nhờn	1.132.048.858.955	1.377.381.820.291
Giá vốn hàng hóa khác	20.834.094.865	6.712.532.715
	<u>1.152.882.953.820</u>	<u>1.384.094.353.006</u>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2016 VND	2015 VND
Lãi tiền gửi	851.103.569	878.315.357
Lợi nhuận được chia	17.539.084.111	175.911.771.822
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.921.154.298	5.622.502.789
Tiền thu từ thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.649.173.308	-
	<hr/>	<hr/>
	22.960.515.286	182.412.589.968
	<hr/>	<hr/>

26. Chi phí tài chính

	2016 VND	2015 VND
Chi phí lãi vay	1.665.046.908	3.074.653.184
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.164.892.201	14.765.564.200
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(7.817.019.609)	(1.778.495.569)
Chi phí tài chính khác	756.533.263	23.939.900
	<hr/>	<hr/>
	(3.230.547.237)	16.085.661.715
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí bán hàng

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	34.758.778.964	25.366.830.663
Chi phí vận chuyển	27.782.125.330	30.985.478.767
Chi phí hỗ trợ bán hàng	25.760.340.642	50.905.773.781
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	54.058.543.600	59.777.239.876
Chi phí khấu hao	6.302.882.647	5.113.900.670
Chi phí sửa chữa	5.500.799.418	5.405.576.544
Chi phí bán hàng khác	47.120.800.771	45.922.717.068
	<hr/>	<hr/>
	201.284.271.372	223.477.517.369
	<hr/>	<hr/>

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	20.055.971.406	27.030.981.321
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.275.321.292	3.020.547.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.754.700.979	2.012.315.223
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	20.179.224.724	15.721.048.845
	48.265.218.401	47.784.892.696

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2016 VND	2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.091.589.783.383	1.183.889.466.756
Chi phí nhân viên	70.694.044.401	69.488.440.037
Chi phí khấu hao và phân bổ	65.460.620.377	30.609.955.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.787.027.787	26.662.348.844
Chi phí khác	150.331.972.044	174.618.468.900

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	255.386.859.797	401.127.830.815
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	51.077.371.959	88.248.122.779
Chi phí không được khấu trừ thuế	523.913.044	1.242.753.516
Thu nhập không bị tính thuế	(3.507.816.822)	(38.700.589.801)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	48.093.468.181	50.790.286.494

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (2015: 22%).

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2016 VND	2015 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex		
▪ Góp vốn bằng tiền	30.000.000.000	-
▪ Nhận điều chuyển quỹ đầu tư phát triển	8.889.142.650	-
▪ Lợi nhuận được chia	-	12.083.290.621
▪ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.073.225.269	1.807.183.474
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	26.260.001	12.188.500
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex		
▪ Góp vốn bằng tiền	80.000.000.000	100.000.000.000
▪ Nhận điều chuyển quỹ đầu tư phát triển	25.665.754.643	-
▪ Lợi nhuận được chia	17.008.060.111	163.828.481.201
▪ Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.617.846.691	8.468.108.852
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	390.664.473	399.601.972
Các công ty liên quan		
Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex		
▪ Bán hàng hóa	1.216.003.809.321	1.194.515.923.126
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	65.306.464.381	49.755.678.857
Công ty TNHH Castrol BP PETCO		
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	42.389.159.624	85.806.264.005
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810		
▪ Lợi nhuận được chia	531.024.000	-
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
▪ Tiền lương và thưởng	4.246.117.000	4.291.188.500

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Số liệu so sánh

Báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước thể hiện kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 của Tổng công ty, trong đó nêu một số khác biệt so với số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán bởi kiểm toán độc lập của Tổng công ty. Tổng công ty đã thực hiện điều chỉnh lại một số khoản mục trên báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo báo cáo kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại, như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán riêng

	01/01/2016 (điều chỉnh lại) VND	01/01/2016 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	25.133.591.974	23.164.874.199
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(18.100.924.868)	(19.360.601.357)
Hàng tồn kho	425.589.505.057	424.934.618.866
Chi phí trả trước dài hạn	60.257.462.053	60.011.106.053
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.045.570.429	15.004.101.360
Phải trả ngắn hạn khác	7.826.736.076	8.016.736.076
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	61.440.489.590	58.162.322.204

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2015 (điều chỉnh lại) VND	2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Giá vốn hàng bán	1.384.094.353.006	1.385.852.463.962
Chi phí bán hàng	223.477.517.369	224.234.667.726
Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.784.892.696	49.399.267.838
Thu nhập khác	12.242.798.110	12.070.070.838
Chi phí khác	7.739.413.372	7.639.828.345
Chi phí thuế TNDN hiện hành	50.790.286.494	49.865.675.180

Ngày 22 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Đức
Tổng Giám đốc